

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế hoạt động của các tổ hoà giải trên địa bàn xã Vĩnh Lại

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĨNH LẠI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật hoà giải ở cơ sở số 35/2013/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hoà giải ở cơ sở;

Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 của Chính phủ và ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 24/6/2026 của Hội đồng nhân dân xã Vĩnh Lại về việc thông qua Đề án sắp xếp thôn trên địa bàn xã Vĩnh Lại;

Căn cứ Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lại về việc thành lập các tổ hoà giải ở cơ sở trên địa bàn xã Vĩnh Lại;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của các Tổ hoà giải trên địa bàn xã Vĩnh Lại

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan; Các tổ hoà giải trên địa bàn xã và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp thành phố (để b/c);
- TT Đảng uỷ; TT HĐND xã;
- Chủ tịch; Các PCT UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Tổ hoà giải các thôn;
- Công TTĐT xã;
- Lưu: VT, TP.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hương

QUY CHẾ

Tổ chức, hoạt động của các tổ hoà giải

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1400/QĐ-UBND ngày 27/7/2026
của Chủ tịch UBND xã Vĩnh Lại)*

Phần 1

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

I. NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ

1. Tôn trọng sự tự nguyện của các bên; không bắt buộc, áp đặt các bên trong hòa giải ở cơ sở.
2. Bảo đảm phù hợp với chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạo đức xã hội, phong tục, tập quán tốt đẹp của nhân dân; phát huy tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình, dòng họ và cộng đồng dân cư; quan tâm đến quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em, phụ nữ, người khuyết tật và người cao tuổi.
3. Khách quan, công bằng, kịp thời, có lý, có tình; giữ bí mật thông tin đời tư của các bên, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 10 của Luật Hòa giải ở cơ sở.
4. Tôn trọng ý chí, quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác; không xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng.
5. Bảo đảm bình đẳng giới trong tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở.
6. Không lợi dụng hòa giải ở cơ sở để ngăn cản các bên liên quan bảo vệ quyền lợi của mình theo quy định của pháp luật hoặc trốn tránh việc xử lý vi phạm hành chính, xử lý về hình sự.

II. PHẠM VI HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ

1. Hòa giải ở cơ sở được tiến hành đối với các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật sau đây:
 - a) Mâu thuẫn giữa các bên (do khác nhau về quan niệm sống, lối sống, tính tình không hợp hoặc mâu thuẫn trong việc sử dụng lối đi qua nhà, lối đi chung, sử dụng điện, nước sinh hoạt, công trình phụ, giờ giấc sinh hoạt, gây mất vệ sinh chung hoặc các lý do khác);
 - b) Tranh chấp phát sinh từ quan hệ dân sự như tranh chấp về quyền sở hữu, nghĩa vụ dân sự, hợp đồng dân sự, thừa kế, quyền sử dụng đất;
 - c) Tranh chấp phát sinh từ quan hệ hôn nhân và gia đình như tranh chấp phát sinh từ quan hệ giữa vợ, chồng; quan hệ giữa cha mẹ và con; quan hệ giữa ông bà nội, ông bà ngoại và cháu, giữa anh, chị, em và giữa các thành viên khác trong gia đình; cấp dưỡng; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; ly hôn;
 - d) Vi phạm pháp luật mà theo quy định của pháp luật những việc vi phạm đó chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, xử lý vi phạm hành chính; đ) Vi

phạm pháp luật hình sự trong các trường hợp sau đây: - Trường hợp không bị khởi tố vụ án theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật. - Vụ án đã được khởi tố, nhưng sau đó có quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng về đình chỉ điều tra theo quy định tại khoản 1 Điều 231 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 hoặc đình chỉ vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 282 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

e) Vi phạm pháp luật bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, xã hoặc có đủ điều kiện để áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính;

g) Những vụ, việc khác mà pháp luật không cấm.

2. Không hòa giải các trường hợp sau đây:

a) Mâu thuẫn, tranh chấp xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng; đó là các mâu thuẫn, tranh chấp làm tổn hại đến lợi ích chung của Nhà nước, của cộng đồng. Ví dụ: Các mâu thuẫn, tranh chấp xâm phạm, lấn chiếm đất công, tranh chấp về sử dụng trái phép công trình công cộng...

b) Vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình, giao dịch dân sự mà theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự không được hòa giải, cụ thể là:

+ Vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình mà theo quy định của pháp luật phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết (ví dụ như kết hôn trái pháp luật thì thành viên tổ hòa giải không được hòa giải để các bên tự giải quyết, duy trì quan hệ hôn nhân và gia đình trái pháp luật đó. Thẩm quyền xem xét, quyết định việc hủy kết hôn trái pháp luật thuộc về Tòa án nhân dân theo thủ tục tố tụng dân sự).

+ Giao dịch dân sự vi phạm điều cấm của pháp luật hoặc trái đạo đức xã hội (ví dụ như các giao dịch mua bán chất ma túy, mại dâm...) thì không được hòa giải nhằm mục đích để các bên tiếp tục thực hiện giao dịch đó. Điều cấm của pháp luật là những quy định của pháp luật không cho phép chủ thể thực hiện những hành vi nhất định. Đạo đức xã hội là những chuẩn mực ứng xử chung giữa người với người trong đời sống xã hội, được cộng đồng thừa nhận và tôn trọng. c) Vi phạm pháp luật mà theo quy định phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự, trừ trường hợp quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 5 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP;

d) Vi phạm pháp luật mà theo quy định phải bị xử lý vi phạm hành chính (bao gồm: bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính), trừ các trường hợp quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 5 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP;

đ) Mâu thuẫn, tranh chấp khác không được hòa giải ở cơ sở bao gồm: Hòa giải tranh chấp về thương mại và hòa giải tranh chấp về lao động, việc hòa giải các tranh chấp này được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành về thương mại và lao động.

Phần 2

TỔ HÒA GIẢI, THÀNH VIÊN TỔ HÒA GIẢI

Mục 1: TỔ HÒA GIẢI

I. CƠ CẤU TỔ HÒA GIẢI

1. Tổ hòa giải và các thành viên của Tổ hòa giải theo Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND xã Vĩnh Lại.

2. Số lượng thành viên Tổ hòa giải do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lại quyết định căn cứ vào đặc điểm, tình hình kinh tế - xã hội, dân số của địa phương và theo đề nghị của Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Công an và Công chức Tư pháp - Hộ tịch.

3. Hằng năm, Trưởng ban công tác Mặt trận chủ trì phối hợp với tổ trưởng tổ hòa giải tiến hành rà soát, đánh giá về tổ chức, hoạt động của tổ hòa giải và kiến nghị Ban thường trực UBMTTQ, Công an và công chức Tư pháp - Hộ tịch đề nghị UBND xã Vĩnh Lại kiện toàn tổ hòa giải cơ sở, tổ an ninh trật tự.

II. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ HÒA GIẢI

1. Tổ chức nắm bắt tình hình, phát hiện và thực hiện hòa giải kịp thời các vụ việc thuộc phạm vi hòa giải.

2. Tổ chức trao đổi kinh nghiệm, thảo luận các giải pháp để tiến hành hòa giải vụ, việc phức tạp.

3. Phối hợp với Ban công tác Mặt trận, Chi hội phụ nữ, Chi đoàn thanh niên, Chi hội cựu chiến binh, Chi hội nông dân, Chi hội người cao tuổi tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật liên quan trực tiếp đến người dân.

4. Kiến nghị với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban nhân dân, Công an xã Vĩnh Lại về hoạt động của Tổ hòa giải.

5. Đề nghị khen thưởng Tổ hòa giải, thành viên Tổ hòa giải có thành tích xuất sắc trong công tác hòa giải.

III. TỔ TRƯỞNG, TỔ PHÓ TỔ HÒA GIẢI

Việc lựa chọn Tổ trưởng, tổ phó Tổ hòa giải theo Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 25/7/2026 của Chủ tịch UBND xã Vĩnh Lại.

IV. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔ TRƯỞNG TỔ HÒA GIẢI

1. Phân công, phối hợp hoạt động của các thành viên Tổ hòa giải.

2. Đại diện cho Tổ hòa giải trong mối liên hệ với Trưởng ban công tác Mặt trận, trưởng thôn và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác trong thực hiện trách nhiệm của Tổ hòa giải.

3. Đề nghị cho thôi làm hòa giải viên theo quy định.

4. Báo cáo kịp thời với Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã và cơ quan có thẩm quyền về mâu thuẫn, tranh chấp nghiêm trọng có thể dẫn đến hành vi bạo lực gây ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của các bên hoặc gây mất trật tự công cộng;

mâu thuẫn, tranh chấp có dấu hiệu vi phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc pháp luật về hình sự.

5. Báo cáo định kỳ và đột xuất về tổ chức và hoạt động của hòa giải về an ninh trật tự với Ủy ban nhân dân, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Công an xã.

6. Phối hợp với tổ trưởng tổ hòa giải khác để trao đổi kinh nghiệm hoặc tiến hành hòa giải những vụ, việc liên quan đến các tổ khác nhau.

7. Có các quyền, nghĩa vụ chung của hòa giải viên, tổ trưởng về an ninh trật tự theo quy định.

Mục 2: THÀNH VIÊN TỔ HÒA GIẢI

I. TIÊU CHUẨN THÀNH VIÊN TỔ HÒA GIẢI

Người được lựa chọn là thành viên Tổ hòa giải có các tiêu chuẩn sau đây:

1. Có phẩm chất đạo đức tốt; có uy tín trong cộng đồng dân cư;
2. Có khả năng thuyết phục, vận động nhân dân; có hiểu biết pháp luật.

II. BẦU, CÔNG NHẬN HÒA GIẢI VIÊN, TỔ TRƯỞNG HÒA GIẢI

1. Người có đủ tiêu chuẩn được bầu làm hòa giải viên có quyền ứng cử hoặc được Ban công tác Mặt trận phối hợp với các tổ chức thành viên của Mặt trận giới thiệu vào danh sách bầu hòa giải viên.

2. Trưởng ban công tác Mặt trận chủ trì, phối hợp với trưởng thôn tổ chức bầu hòa giải viên ở thôn bằng một trong các hình thức sau đây:

a) Biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín tại cuộc họp đại diện các hộ gia đình; b) Phát phiếu lấy ý kiến các hộ gia đình.

3. Kết quả bầu hòa giải viên:

a) Người được đề nghị công nhận là hòa giải viên phải đạt trên 50% đại diện hộ gia đình trong thôn đồng ý;

b) Trường hợp số người đạt trên 50% đại diện hộ gia đình trong thôn đồng ý nhiều hơn số lượng hòa giải viên được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Xã Vĩnh Lại quyết định theo quy định tại khoản 2 Điều 12 của Luật Hòa giải ở cơ sở thì danh sách người được đề nghị công nhận là hòa giải viên lấy theo kết quả bỏ phiếu từ cao xuống thấp;

c) Trường hợp số người được bầu không đủ để thành lập tổ hòa giải thì tổ chức bầu bổ sung cho đủ số lượng;

d) Trưởng ban công tác Mặt trận lập danh sách người được đề nghị công nhận là hòa giải viên gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

4. Sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân Xã Vĩnh Lại ra quyết định công nhận hòa giải viên, Quyết định công nhận hòa giải viên được gửi cho Trưởng ban công tác Mặt trận, hòa giải viên và thông báo công khai tại các thôn.

III. QUYỀN CỦA THÀNH VIÊN TỔ HÒA GIẢI

1. Thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở.
2. Đề nghị các bên có liên quan cung cấp tài liệu, thông tin liên quan đến vụ, việc hòa giải.
3. Tham gia sinh hoạt, thảo luận và quyết định nội dung, phương thức hoạt động của tổ hòa giải.
4. Được bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ và kỹ năng hòa giải; được cung cấp tài liệu về chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật mới, các tài liệu liên quan đến hoạt động hòa giải.
5. Hưởng thù lao theo vụ, việc khi thực hiện hòa giải.
6. Được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.
7. Được hỗ trợ, tạo điều kiện để khắc phục hậu quả nếu gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải.
8. **Kiến nghị, đề xuất về các vấn đề liên quan đến hoạt động hòa giải.**

IV. NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN TỔ HÒA GIẢI

1. Thực hiện hòa giải khi có căn cứ theo quy định.
2. Tuân thủ các nguyên tắc hoạt động hòa giải ở cơ sở.
3. Từ chối tiến hành hòa giải nếu bản thân có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ, việc hòa giải hoặc vì lý do khác dẫn đến không thể bảo đảm khách quan, công bằng trong hòa giải.
4. Thông báo kịp thời cho tổ trưởng tổ hòa giải để báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã có biện pháp phòng ngừa trong trường hợp thấy mâu thuẫn, tranh chấp nghiêm trọng có thể dẫn đến hành vi bạo lực gây ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của các bên hoặc gây mất trật tự công cộng.
5. Thông báo kịp thời cho tổ trưởng tổ hòa giải để báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý trong trường hợp phát hiện mâu thuẫn, tranh chấp có dấu hiệu vi phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc pháp luật về hình sự.

V. THÔI LÀM THÀNH VIÊN TỔ HÒA GIẢI

1. Việc thôi làm thành viên tổ hòa giải được thực hiện trong các trường hợp sau đây:
 - a) Theo nguyện vọng của các thành viên.
 - b) Thành viên tổ hòa giải không còn đáp ứng một trong các tiêu chuẩn theo quy định.
 - c) Vi phạm nguyên tắc tổ chức, hoạt động hòa giải ở cơ sở hoặc không có điều kiện tiếp tục làm hòa giải viên, tổ trưởng tổ về an ninh trật tự do bị xử lý vi phạm pháp luật.
2. Trường hợp thôi làm thành viên tổ hòa giải thì tổ trưởng tổ hòa giải đề nghị Trưởng ban công tác Mặt trận thôn làm văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ra quyết định thôi làm hòa giải viên hoặc văn bản về thôi làm tổ trưởng tổ hòa giải.

Trường hợp thôi làm tổ trưởng hoặc thôi làm thành viên tổ hòa giải thì Trưởng ban công tác Mặt trận thôn làm văn bản đề nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ra quyết định thôi làm tổ trưởng hoặc thôi làm thành viên tổ hòa giải.

Phần 3 **HOẠT ĐỘNG HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ**

I. CĂN CỨ TIẾN HÀNH HÒA GIẢI

Hòa giải ở cơ sở được tiến hành khi có một trong các căn cứ sau đây:

1. Một bên hoặc các bên yêu cầu hòa giải;
2. Thành viên tổ hòa giải chứng kiến hoặc biết vụ, việc thuộc phạm vi hòa giải;
3. Theo phân công của tổ trưởng tổ hòa giải hoặc đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

II. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÁC BÊN TRONG HÒA GIẢI

1. Lựa chọn, đề xuất thành viên tổ hòa giải tham gia hòa giải, địa điểm, thời gian để tiến hành hòa giải.
2. Đồng ý hoặc từ chối hòa giải; yêu cầu tạm dừng hoặc chấm dứt hòa giải.
3. Yêu cầu việc hòa giải được tiến hành công khai hoặc không công khai.
4. Được bày tỏ ý chí và quyết định về nội dung giải quyết hòa giải.
5. Trình bày đúng sự thật các tình tiết của vụ, việc; cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan.
6. Tôn trọng thành viên tổ hòa giải, quyền của các bên có liên quan.
7. Không gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự tại địa điểm hòa giải.

II. PHÂN CÔNG THÀNH VIÊN TỔ HÒA GIẢI

1. Tổ trưởng tổ hòa giải phân công thành viên tổ tiến hành hòa giải trong trường hợp các bên không lựa chọn thành viên tổ hòa giải.
2. Tổ trưởng tổ hòa giải không phân công thành viên tổ tiến hành hòa giải nếu có căn cứ cho rằng thành viên tổ có quyền, lợi ích, nghĩa vụ liên quan đến vụ, việc hòa giải hoặc có lý do khác dẫn đến không thể bảo đảm khách quan, công bằng trong hòa giải.
3. Trong quá trình hòa giải, nếu thành viên tổ hòa giải vi phạm nguyên tắc hoạt động hòa giải hoặc nghĩa vụ khác của thành viên tổ thì tổ trưởng tổ hòa giải phân công thành viên khác thực hiện việc hòa giải.

III. NGƯỜI ĐƯỢC MỜI THAM GIA HÒA GIẢI

1. Trong quá trình hòa giải, nếu thấy cần thiết, các thành viên tổ hòa giải và một trong các bên khi được sự đồng ý của bên kia có thể mời người có uy tín trong dòng họ, ở nơi sinh sống, nơi làm việc; người có trình độ pháp lý, có kiến thức xã hội; chức sắc tôn giáo, người biết rõ vụ, việc; đại diện của cơ quan, tổ chức hoặc người có uy tín khác tham gia hòa giải.

Thường xuyên vận động, kêu gọi, mời các lực lượng tham gia bảo vệ an ninh tổ quốc, trật tự ở cơ sở tích cực tham gia hoạt động hòa giải.

2. Người được mời tham gia hòa giải phải tuân thủ các nguyên tắc hoạt động hòa giải ở cơ sở.

3. Cơ quan, tổ chức có người được mời tham gia hòa giải có trách nhiệm tạo điều kiện để họ tham gia hòa giải.

IV. ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN HÒA GIẢI

1. Địa điểm hòa giải là nơi xảy ra vụ, việc hoặc nơi do các bên hoặc thành viên tổ hòa giải lựa chọn, bảo đảm thuận lợi cho các bên.

2. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày được phân công, thành viên tổ hòa giải bắt đầu tiến hành hòa giải, trừ trường hợp cần thiết phải hòa giải ngay khi chứng kiến vụ, việc hoặc các bên có thỏa thuận khác về thời gian hòa giải.

V. TIẾN HÀNH HÒA GIẢI

1. Hòa giải được tiến hành trực tiếp, bằng lời nói với sự có mặt của các bên. Trong trường hợp các bên có người khuyết tật thì có sự hỗ trợ phù hợp để có thể tham gia hòa giải.

2. Hòa giải được tiến hành công khai hoặc không công khai theo ý kiến thống nhất của các bên.

3. Tùy thuộc vào vụ, việc cụ thể, trên cơ sở quy định của pháp luật, đạo đức xã hội, phong tục, tập quán tốt đẹp của nhân dân, thành viên tổ hòa giải áp dụng các biện pháp thích hợp nhằm giúp các bên hiểu rõ về quyền lợi, trách nhiệm của mỗi bên trong vụ, việc để các bên thỏa thuận việc giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp và tự nguyện thực hiện thỏa thuận đó.

Trong trường hợp không đạt được thỏa thuận, thành viên tổ hòa giải hướng dẫn các bên đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên tổ hòa giải có trách nhiệm ghi nội dung vụ, việc hòa giải vào Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở.

Trường hợp các bên đồng ý thì lập văn bản hòa giải thành theo quy định.

VI. HÒA GIẢI TRONG TRƯỜNG HỢP CÓ 01 BÊN Ở THÔN KHÁC

Trường hợp có 01 bên ở thôn khác nhau thì tổ hòa giải phối hợp thực hiện việc hòa giải và thông báo với Trưởng ban công tác Mặt trận tại thôn đó cùng phối hợp thực hiện.

VII. KẾT THÚC HÒA GIẢI

1. Các bên đạt được thỏa thuận.

2. Một bên hoặc các bên yêu cầu chấm dứt hòa giải.

3. Thành viên tổ hòa giải quyết định kết thúc hòa giải khi các bên không thể đạt được thỏa thuận và việc tiếp tục hòa giải cũng không thể đạt được kết quả.

VIII. HÒA GIẢI THÀNH

1. Hòa giải thành là trường hợp các bên đạt được thỏa thuận.

2. Các bên có thể thỏa thuận lập văn bản hòa giải thành gồm các nội dung chính sau đây:

- a) Căn cứ tiến hành hòa giải;
- b) Thông tin cơ bản về các bên;
- c) Nội dung chủ yếu của vụ, việc;
- d) Diễn biến của quá trình hòa giải;
- đ) Thỏa thuận đạt được và giải pháp thực hiện;
- e) Quyền và nghĩa vụ của các bên;
- g) Phương thức, thời hạn thực hiện thỏa thuận;
- h) Chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên và của thành viên tổ hòa giải.

Thành viên tổ hòa giải vận động, khuyến khích một trong các bên nộp đơn đề nghị Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành.

IX. THEO DÕI, ĐƠN ĐỐC VIỆC THỰC HIỆN THỎA THUẬN HÒA GIẢI THÀNH

Thành viên tổ hòa giải có trách nhiệm theo dõi, đơn đốc việc thực hiện thỏa thuận hòa giải thành do mình trực tiếp giải quyết; kịp thời thông báo cho tổ trưởng tổ hòa giải để báo cáo Trưởng ban công tác Mặt trận những vấn đề phát sinh trong quá trình theo dõi, đơn đốc thực hiện.

X. GIẢI QUYẾT TRƯỜNG HỢP HÒA GIẢI KHÔNG THÀNH

1. Trường hợp các bên không đạt được thỏa thuận và cả hai bên yêu cầu tiếp tục hòa giải, thì thành viên tổ hòa giải tiếp tục tiến hành hòa giải.

2. Trường hợp các bên không đạt được thỏa thuận và một bên yêu cầu tiếp tục hòa giải, nhưng có căn cứ cho rằng việc tiếp tục hòa giải không thể đạt kết quả thì thành viên tổ hòa giải quyết định kết thúc hòa giải theo quy định tại Khoản 3 Điều 23 của Luật hòa giải ở cơ sở và hướng dẫn các bên đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp các bên yêu cầu lập văn bản hòa giải không thành, thì thành viên tổ hòa giải lập văn bản, ghi rõ thông tin cơ bản về các bên; nội dung chủ yếu của vụ, việc; yêu cầu của các bên; lý do hòa giải không thành; chữ ký của thành viên tổ hòa giải./.